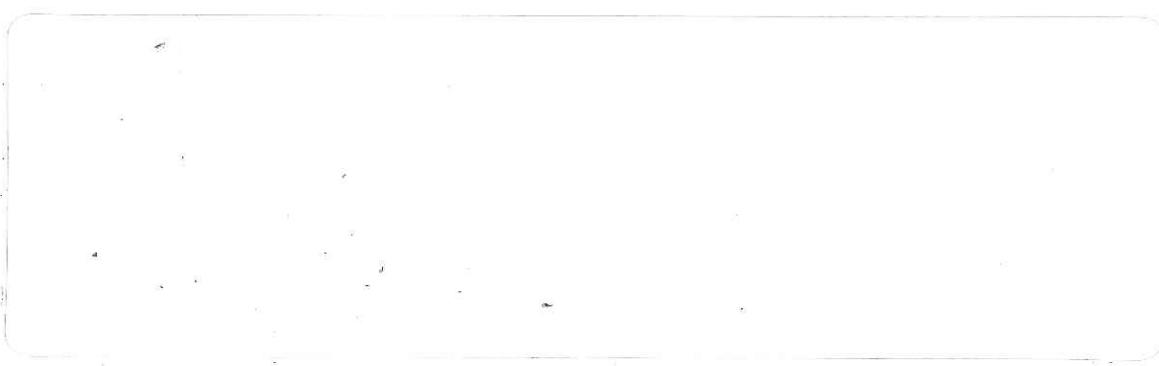




Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

[www.anvietcpa.com](http://www.anvietcpa.com)



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hà Nội - Tháng 03 năm 2021

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 -11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 56

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng thành viên

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Lê Nam Khánh	Thành viên
Ông Phạm Văn Nhận	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Nam Khánh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/3/2020)
Ông Bùi Hồng Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/3/2020)
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Nam Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số: 116/2021/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Hội đồng thành viên**  
**Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 56 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, một công ty con của Tổng công ty, đã ghi giảm trừ chi phí tài chính đối với các khoản phạt chậm trả phí bảo lãnh của khoản vay từ Ngân hàng Natixis, phạt chậm trả gốc vay và lãi của khoản vay từ Quỹ Tích lũy Bộ Tài chính, phạt chậm trả gốc, lãi và phí vay của khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với tổng số tiền là 6.353.164 EUR lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 8 năm 2017 (tương đương với 173 tỷ đồng).Thêm vào đó, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long cũng không ghi nhận các khoản phạt chậm trả gốc, lãi và phí vay (nếu có) phát sinh từ các khoản vay nêu trên và chi phí lãi vay cho khoản vay từ Quỹ Tích lũy Bộ Tài chính kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty này đã phân loại số dư lãi vay và phí cho vay của các khoản vay từ Quỹ Tích lũy Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu, với giá trị lần lượt là 15 tỷ VND và 146 tỷ VND, từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục phải trả dài hạn khác; và phân loại số dư gốc vay của các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu và Quỹ Tích lũy Bộ Tài chính, với giá trị lần lượt là 472 tỷ VND và 358 tỷ VND, từ khoản mục vay ngắn hạn sang khoản mục vay dài hạn.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vẫn đang trong quá trình phối hợp làm việc với các cơ quan hữu quan nhưng vẫn chưa nhận được văn bản trả lời chính thức từ Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý Nhà nước về phương án tái cơ cấu nợ Dự án Xi măng Hạ Long. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu việc xử lý kế toán đối với các nội dung nêu trên có phù hợp hay không, và xác định các ảnh hưởng, nếu có, đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ xử lý các khoản đầu tư không sinh lời, không hiệu quả và thoái toàn bộ vốn tại một số công ty con.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 24 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long đã không ghi nhận các khoản lãi phạt chậm trả đối với các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng số tiền là 74,5 tỷ VND. Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh số 24, công ty này cũng đã không ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đối với khoản vay từ Tổng công ty Sông Đà. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long đang chờ các văn bản trả lời chính thức từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Tổng công ty Sông Đà về việc không phải trả các khoản lãi và lãi phạt này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Trên báo cáo kiểm toán số 1073/VN1A-HN-BC ngày 20/04/2020, kiểm toán viên đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



**Ngô Việt Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

  
**Đoàn Thu Hằng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2018-055-1

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**  
*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>8.972.222.445.943</b>	<b>9.741.657.699.004</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	<b>2.454.135.899.100</b>	<b>3.167.734.360.615</b>
1. Tiền	111		1.454.842.746.741	1.907.199.457.327
2. Các khoản tương đương tiền	112		999.293.152.359	1.260.534.903.288
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		<b>1.692.805.773.193</b>	<b>693.324.245.231</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		804.151	804.151
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	1.692.804.969.042	693.323.441.080
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>1.387.904.141.659</b>	<b>1.735.153.267.418</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.079.170.792.542	1.352.235.181.125
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	184.273.233.436	239.729.420.143
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	249.128.874.262	259.737.663.880
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(124.729.943.643)	(116.548.997.730)
5. Tài sản thiếu chò xử lý	139		61.185.062	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	<b>3.225.756.144.513</b>	<b>3.886.772.946.615</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.374.761.984.733	3.939.906.458.648
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(149.005.840.220)	(53.133.512.033)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>211.620.487.478</b>	<b>258.672.879.125</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18	77.896.441.120	123.794.591.491
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		106.075.254.178	115.039.140.043
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	27.648.792.180	19.839.147.591

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.055.230.949.917</b>	<b>32.173.573.327.073</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		104.519.636.523	97.072.125.081
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	70.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	109.381.179.677	98.900.358.742
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(4.861.543.154)	(1.898.233.661)
II. Tài sản cố định	220		<b>22.502.684.972.599</b>	<b>23.077.907.436.561</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	22.006.260.014.405	22.571.981.685.203
- Nguyên giá	222		54.634.655.299.068	53.218.559.265.280
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(32.628.395.284.663)	(30.646.577.580.077)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	1.220.567.402	4.507.011.433
- Nguyên giá	225		2.375.158.182	6.579.644.477
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		(1.154.590.780)	(2.072.633.044)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	495.204.390.792	501.418.739.925
- Nguyên giá	228		575.823.302.645	573.628.252.852
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(80.618.911.853)	(72.209.512.927)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	<b>243.489.237.619</b>	<b>251.432.395.107</b>
- Nguyên giá	231		266.460.609.965	265.251.812.449
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(22.971.372.346)	(13.819.417.342)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		<b>2.251.107.537.512</b>	<b>2.846.293.127.468</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.251.107.537.512	2.846.293.127.468
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		<b>4.659.078.942.020</b>	<b>4.513.229.158.898</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18.1	4.331.109.404.517	4.170.447.316.846
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18.2	384.169.399.950	384.169.399.950
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18.2	(68.199.862.447)	(65.309.116.452)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		12.000.000.000	23.921.558.554
VI. Tài sản dài hạn khác	260		<b>1.294.350.623.644</b>	<b>1.387.639.083.958</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	905.515.496.434	913.657.293.895
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35	18.733.600.626	16.689.131.479
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		367.259.362.486	453.679.656.978
4. Lợi thế thương mại	269		2.842.164.098	3.613.001.606
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>40.027.453.395.860</b>	<b>41.915.231.026.077</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>18.120.053.004.704</b>	<b>20.435.536.273.155</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.137.423.958.806</b>	<b>15.510.564.633.238</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	3.718.660.300.990	3.839.524.939.243
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	357.484.466.331	245.102.306.022
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	311.922.955.823	622.576.497.995
4. Phải trả người lao động	314		506.064.264.535	472.774.601.222
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	381.840.424.062	356.400.604.136
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		106.986.412.891	114.290.566.378
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	629.665.006.656	585.108.846.775
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	8.873.191.805.148	9.074.058.657.093
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.296.663.882	1.555.450.580
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		247.311.658.488	199.172.163.794
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.982.629.045.898</b>	<b>4.924.971.639.917</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		47.316.880.641	48.544.409.871
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	297.939.972.045	296.762.086.953
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	1.825.551.535.906	3.745.099.596.376
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	35	731.556.611.959	766.010.827.639
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		75.231.045.347	62.757.363.483
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.033.000.000	5.797.355.595

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>21.907.400.391.156</b>	<b>21.479.694.752.922</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		<b>21.901.321.274.716</b>	<b>21.476.441.262.363</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25	15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	25	1.057.364.895.697	968.871.033.008
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	25	(323.971.984.350)	(323.971.984.350)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	25	686.364.020.193	686.364.020.193
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	25	2.427.409.496.769	1.978.737.860.380
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.779.434.085	2.779.434.085
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	454.298.110.190	527.240.174.927
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		66.963.476.604	(310.297.717.937)
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		387.334.633.586	837.537.892.864
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		59.789.812.452	60.132.938.433
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	2.503.302.077.271	2.542.302.373.278
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		<b>6.079.116.440</b>	<b>3.253.490.559</b>
1. Nguồn kinh phí	431		854.067.467	(2.381.550.807)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		5.225.048.973	5.635.041.366
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40.027.453.395.860</b>	<b>41.915.231.026.077</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập

Nguyễn Quang Tuân

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Văn Quang Đức



Lê Nam Khánh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**MẪU SỐ B02 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	28.029.993.269.125	29.975.160.617.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	927.732.117.228	915.581.852.699
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27	27.102.261.151.897	29.059.578.765.149
4. Giá vốn hàng bán	11	28	22.840.779.470.532	23.799.919.300.137
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.261.481.681.365	5.259.659.465.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	126.765.025.984	129.697.568.134
7. Chi phí tài chính	22	30	799.529.046.196	884.531.163.425
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		628.883.369.447	828.312.809.649
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		457.186.579.056	326.045.656.344
9. Chi phí bán hàng	25	31	1.084.915.811.370	1.130.829.769.653
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	1.307.318.147.966	1.224.756.790.490
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.653.670.280.873	2.475.284.965.922
12. Thu nhập khác	31	33	52.751.218.687	115.130.313.798
13. Chi phí khác	32	34	67.498.734.490	100.513.348.590
14. Lợi nhuận khác	40		(14.747.515.803)	14.616.965.208
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.638.922.765.070	2.489.901.931.130
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	273.994.167.013	377.576.472.301
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(36.498.684.827)	18.105.462.906
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.401.427.282.884	2.094.219.995.923
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.282.401.669.980	1.845.727.434.730
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		119.025.612.904	248.492.561.193

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập

Nguyễn Quang Tuân

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Văn Quang Đức



Lê Nam Khánh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**MẪU SỐ B03 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.638.922.765.070	2.489.901.931.130
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.154.360.267.502	2.255.155.835.721
- Các khoản dự phòng	03	139.750.150.199	(4.849.799.917)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	110.273.690.343	(6.945.120.633)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(579.549.913.131)	(453.608.890.557)
- Chi phí lãi vay	06	628.883.369.447	828.312.809.649
- Các khoản điều chỉnh khác	07	4.268.906.744	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.096.909.236.174	5.107.966.765.393
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	329.231.694.892	21.819.879.664
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	635.787.900.072	484.700.386.296
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(210.475.514.953)	(381.086.945.838)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	55.188.890.722	(242.033.854.128)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(609.609.369.906)	(848.506.673.081)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(316.320.275.202)	(381.882.316.413)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	29.438.780.929	155.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(325.204.375.522)	(273.720.000.822)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.684.946.967.206	3.487.412.241.071
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(659.124.441.443)	(961.433.100.230)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	9.824.531.177	9.710.072.791
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.580.837.792.336)	(1.084.562.956.430)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	604.395.124.537	982.661.402.528
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	369.591.679.700	272.788.787.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.256.150.898.365)	(780.835.794.253)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đí vay	33	18.454.671.276.061	19.493.564.430.880
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.662.440.063.903)	(21.271.718.733.438)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.678.364.726)	(1.313.341.180)
4. Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(930.909.198.911)	(858.352.370.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.142.356.351.479)	(2.637.820.014.370)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(713.560.282.638)	68.756.432.448
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.167.734.360.615	3.098.994.909.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(38.178.877)	(16.981.162)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.454.135.899.100	3.167.734.360.615

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập

Nguyễn Quang Tuân

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Văn Quang Đức



Tổng Giám đốc

TỔNG  
CÔNG TY  
XI MĂNG  
VIỆT NAM

Nguyễn Nam Khánh

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 7 năm 2011, đăng ký sửa đổi lần thứ năm ngày 14 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 11.978 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 12.793 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm Điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy Thành phố Hà Nội;
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu Bê tông - Vật liệu Xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An;
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - D/N/HN**

Các công ty con do Tổng công ty góp vốn đầu tư trực tiếp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

STT	Công ty con	Tên viết tắt sử dụng trong báo cáo này	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng (i)	Vicem Hải Phòng	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch (i)	Vicem Hoàng Thạch	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp (i)	Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Vicem Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (i)	Vicem Sông Thao	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Vicem Hà Tiên	Hồ Chí Minh	79,84%	79,98%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,52%	79,52%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (i)	Vicem Hải Vân	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn (i)	Vicem Bỉm Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (iii)	Coxiva	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng
12.	Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (ii)	Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	87,27%	87,27%	Đang thực hiện giải thể
13.	Công ty Cổ phần Vicem Năng lượng và Môi trường Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng)	Vicem E&E	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than; rác, bùn thải
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (iii)	Thương mại Xi măng	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (iii)	Vận tải Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (iii)	Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (iii)	Thạch cao Xi măng	Thừa Thiên Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
18.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem (đổi tên từ Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên)	Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải

(i): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng  
phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, sáp nhập một số thương hiệu  
vào thương hiệu mạnh như sau:

- Cơ cấu lại và sáp nhập thương hiệu Xi măng Sông Thao vào Xi măng Hải Phòng thông qua việc  
chuyển giao quyền đại diện phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao  
về Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng để quản lý và thực hiện hợp nhất thành thương  
hiệu “Vicem Hải Phòng”.
- Cơ cấu lại và sáp nhập thương hiệu Xi măng Hải Vân vào Xi măng Hoàng Thạch thông qua việc  
chuyển giao quyền đại diện phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân về  
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch để quản lý và thực hiện hợp nhất thành thương  
hiệu “Vicem Hoàng Thạch”.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

- Sáp nhập thương hiệu Xi măng Tam Điệp vào Xi măng Bỉm Sơn hợp nhất thành thương hiệu “Vicem Bỉm Sơn” theo quy định của pháp luật.

(ii): Theo Quyết định số 128/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/12/2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đã quyết định giải thể doanh nghiệp do không còn mục đích hoạt động và nhất trí thông qua phương án giải thể theo đúng trình tự và quy định của pháp luật tại Nghị quyết số 127/NQ-ĐHĐCĐ cùng ngày. Theo đó, các cổ đông được hoàn trả đủ số vốn đã góp sau khi công ty này đã thanh quyết toán toàn bộ các khoản phải thu, phải trả khác. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể.

(iii): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ xử lý các khoản đầu tư không sinh lời, không hiệu quả và thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

Ngoài các công ty con do Tổng công ty góp vốn đầu tư trực tiếp, VICEM có các công ty con sở hữu gián tiếp (qua các công ty con khác) như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn)	Thanh Hóa	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem)	Hồ Chí Minh	32,55%	65,00%	Kinh doanh bất động sản

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Nam Định	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn (ii)	Thanh Hóa	49,00%	49,00%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng
10.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì

(i) Công ty góp vốn liên doanh của Tổng công ty.

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

(ii): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ (Tổng công ty) và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong Tổng công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, một số công ty con của Tổng công ty bao gồm Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao và Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long đang có số dư lỗ lũy kế và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn. Tổng nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của các công ty nêu trên tại thời điểm 31/12/2020 là khoảng 5.294,9 tỷ đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của các công ty này phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai và khả năng thu xếp nguồn tài chính phục vụ cho việc trả nợ. Các công ty con này đã xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch cân đối nguồn trả nợ trong năm tài chính tiếp theo. Đồng thời, Tổng

công ty cũng có các phương án thu xếp nguồn tài chính để hỗ trợ các công ty con (khi cần thiết), theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá vấn đề này không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty.

#### **4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi, phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.

##### **Đầu tư vào công ty liên doanh**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty liên doanh).

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng mà trong đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DNI/HN**

được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư.

Khi phần sở hữu của Tổng công ty trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng công ty không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, Tổng công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khé ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B09 - DNI/HN**

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lê phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.8. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	04
Phương tiện vận tải	06

#### 4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, các phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Quyền sử dụng đất của Tổng công ty và các công ty con được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng các lô đất được giao theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được cấp phép. Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

### 4.10. Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (công ty con của Tổng công ty) bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các nhóm bất động sản đầu tư như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất (*)	42,5
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15
Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	

(\*): Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với phần sở hữu riêng thuộc Dự án Comatce Tower.

### 4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị các khoản trả trước chi phí kiến thiết mỏ, chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí trả trước tiền thuê đất và các chi phí trả trước khác.

Chi phí kiến thiết mỏ bao gồm các khoản mục chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản mỏ khai thác nguyên liệu và thể hiện số dư chưa phân bổ hết cho sản lượng khai thác còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của các mỏ đá vôi, sét.

### 4.13. Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được dồn chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thắt có khả năng xảy ra, Tổng công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### **4.14. Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **4.15. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

### 4.16. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

### 4.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	22.629.016.949	29.601.980.555
Tiền gửi ngân hàng	1.432.213.729.792	1.877.597.476.772
Tiền đang chuyển	-	1.684.535.000
Các khoản tương đương tiền (*)	999.293.152.359	1.258.850.368.288
<b>Cộng</b>	<b>2.454.135.899.100</b>	<b>3.167.734.360.615</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.

### 6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.

### 7. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	3.281.695.115	4.136.869.328
Công ty Xi măng Nghi Sơn	2.153.595.121	3.397.726.596
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	627.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	173.702.329	60.353.307
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	147.271.000	126.259.100
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	122.501.462	89.633.441
	57.625.203	462.896.884
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>1.075.889.097.427</b>	<b>1.348.098.311.797</b>
Công ty Cổ phần Siêu thị Vật liệu Xây dựng Thế giới nhà	93.302.980.670	113.310.059.846
Dự án giao thông nông thôn của thành phố Hải Phòng	33.572.453.860	99.834.788.280
Công ty TNHH Nguyên liệu Omanco Việt Nam (tên cũ: Công ty TNHH Hungking Việt Nam)	59.591.548.701	19.326.018.852
Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc gia	116.987.562.500	67.138.750.000
Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Phước		
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	772.434.551.696	1.048.488.694.819
<b>Cộng</b>	<b>1.079.170.792.542</b>	<b>1.352.235.181.125</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	20.996.095.271	20.996.095.271
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thiết bị và Công nghệ	2.966.040.000	19.505.200.000
Công ty Cổ phần Lilama 5	20.545.169.123	17.204.532.978
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại & Công nghệ AMIC	-	29.348.000.000
Trả trước cho người bán khác	83.049.123.159	95.958.786.011
<b>Cộng</b>	<b>184.273.233.436</b>	<b>239.729.420.143</b>

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<b>31/12/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng	(124.729.943.643)	(116.548.997.730)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(108.712.965.280)	(101.619.749.962)
Dự phòng trả trước người bán	(13.283.882.792)	(13.198.147.075)
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng phải thu dài hạn khác	(2.733.095.571)	(1.731.100.693)
<b>Cộng</b>	<b>(4.861.543.154)</b>	<b>(1.898.233.661)</b>
	(4.861.543.154)	(1.898.233.661)
	<b>(129.591.486.797)</b>	<b>(118.447.231.391)</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020	Giá trị	Dụp phòng	01/01/2020	Giá trị	Dụp phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>						
Tiền chi hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiên Thủ Đức (i)	249.128.874.262	(13.283.882.792)	259.737.663.880	(13.198.147.075)	-	-
Chi phí đèn bù giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Xi măng Hoàng Mai (ii)	53.574.127.500	-	53.446.314.500	-	-	-
Phải thu nguồn xă hội hóa về chi hộ dự án Nhà truyền thống Xi măng Việt Nam	34.790.317.000	-	29.309.704.000	-	-	-
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	30.453.134.808	-	28.327.997.367	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi	39.996.488.737	-	11.142.523.430	-	-	-
Phải thu nhà nước về chi phí cỗ phần hóa	90.314.806.217	(13.283.882.792)	11.503.478.218	-	-	-
Phải thu khác	109.381.179.677	(4.861.543.154)	101.363.073.053	(13.198.147.075)	-	-
<b>Dài hạn</b>						
Ký quỹ, ký cược dài hạn	104.477.292.199	-	98.900.358.742	(1.898.233.661)	-	-
Phải thu dài hạn khác	4.903.887.478	(4.861.543.154)	93.996.471.263	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>358.510.053.939</b>	<b>(18.145.425.946)</b>	<b>358.638.022.622</b>	<b>(15.096.380.736)</b>		

(i): Phản ánh khoản tạm ứng nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiên Thủ Đức (công trình của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1) theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ("Quyết định 86") ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị, khoản tiền này sẽ được hoàn trả lại theo Quyết định 86 đã được bãi bỏ sau khi Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2017.

(ii): Phản ánh số tiền bồi thường chi phí giải phóng mặt bằng cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thị xã Hoàng Mai để thực hiện dự án Khu đô thị Xi măng Hoàng Mai. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đang triển khai các bước thực hiện chuyển nhượng dự án theo các văn bản của Tổng công ty Xi măng Việt Nam và các quyết định của Hội đồng quản trị Vicem Hoàng Mai.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	9.811.776.897	10.508.872.596
Nguyên liệu, vật liệu	1.464.833.536.116	1.831.736.402.592
Công cụ, dụng cụ	231.091.300.877	(12.872.413.485)
Vật tư và phụ tùng, linh kiện thay thế	234.492.303.459	(48.940.573.497)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	595.407.505.317	(23.021.862.371)
Thành phẩm	562.726.394.417	(2.033.667.107)
Bất động sản để bán (*)	87.454.454.864	-
Hàng hoá	159.221.538.804	-
Hàng gửi bán	29.723.173.982	-
<b>Cộng</b>	<b>3.374.761.984.733</b>	<b>(149.005.840.220)</b>
		3.939.906.458.648
		(53.133.512.033)

(\*): Bất động sản để bán bao gồm giá trị xây dựng và quyền sử dụng đất phân bổ cho hàng hóa bất động sản là các căn hộ thuộc dự án Comatco Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội ("Dự án") tại Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem. Đến ngày 31/12/2020, Vicem E&E đã thực hiện quyết toán hoàn thành giá trị đầu tư của Dự án và đang chờ phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Giá trị đầu tư Dự án được tạm thời phân bổ vào giá thành thành phẩm bất động sản (căn hộ chung cư) và bất động sản đầu tư (phần sở hữu dùng để cho thuê) theo tiêu thức được Kiểm toán Nhà nước kiểm nghị khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018; các điều chỉnh (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo tài chính sau khi có phê duyệt quyết toán Dự án của cấp có thẩm quyền. (Xem thêm Thuyết minh số 15).

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2020	<b>16.397.754.718.699</b>	<b>34.057.956.760.581</b>	<b>1.816.753.763.930</b>	<b>222.020.602.655</b>	<b>724.073.419.415</b>	<b>53.218.559.265.280</b>					
Mua trong năm	3.829.279.029	284.511.273.311	22.961.600.544	21.002.787.117	593.791.000	332.898.731.001					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	499.014.493.224	616.762.596.365	106.668.000.000	3.456.536.240	1.354.725.825	1.227.256.351.654					
Tăng khác	11.801.619.069	4.342.266.295	-	-	1.178.016.962	17.321.902.326					
Phân loại lại	-	16.537.928.807	-	(16.537.928.807)	-	-					
Thanh lý, nhượng bán	(13.903.934.044)	(92.647.119.861)	(51.545.401.437)	(2.420.495.851)	-	-	(160.516.951.193)				
Giảm khác	-	(864.000.000)	-	-	-	-	(864.000.000)				
Tại ngày 31/12/2020	<b>16.898.496.175.977</b>	<b>34.886.599.705.498</b>	<b>1.894.837.963.037</b>	<b>227.521.501.354</b>	<b>727.199.953.202</b>	<b>54.634.655.299.068</b>					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
Tại ngày 01/01/2020	<b>7.007.208.758.168</b>	<b>21.627.755.111.320</b>	<b>1.538.762.746.537</b>	<b>150.497.916.637</b>	<b>322.353.047.415</b>	<b>30.646.577.580.077</b>					
Khäu hao trong năm	513.178.961.354	1.502.703.760.357	75.679.271.371	22.070.219.469	25.944.484.373	2.139.576.696.924					
Tăng khác	-	1.839.323.777	(14.681.708)	-	414.072.418	2.253.396.195					
Phân loại lại	14.681.708	(306.079.880)	(51.532.167.460)	306.079.880	-	-					
Thanh lý, nhượng bán	(13.436.283.521)	(92.623.441.701)	(2.420.495.851)	(2.420.495.851)	-	-	(160.012.388.533)				
Tại ngày 31/12/2020	<b>7.506.966.117.709</b>	<b>23.039.368.673.873</b>	<b>1.562.895.168.740</b>	<b>170.453.720.135</b>	<b>348.711.604.206</b>	<b>32.628.395.284.663</b>					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Tại ngày 01/01/2020	<b>9.390.545.960.531</b>	<b>12.430.201.649.261</b>	<b>277.991.017.393</b>	<b>71.522.686.018</b>	<b>401.720.372.000</b>	<b>22.571.981.685.203</b>					
Tại ngày 31/12/2020	<b>9.391.530.058.268</b>	<b>11.847.231.031.625</b>	<b>331.942.794.297</b>	<b>57.067.781.219</b>	<b>378.488.348.996</b>	<b>22.006.260.014.405</b>					

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5.799.706.162 đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trong quá trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 11.508.562.591.668 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 9.515.406.638.865 đồng).

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác (**)	Cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	486.443.693.853	16.821.624.794	515.000.000	64.449.443.417	5.398.490.788	573.628.252.852
Mua trong năm	-	256.390.000	-	2.103.659.793	-	2.360.049.793
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(165.000.000)	-	(165.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	486.443.693.853	17.078.014.794	515.000.000	66.388.103.210	5.398.490.788	575.823.302.645
<b>HAO MỎN LÝ KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2020	7.603.590.308	16.819.687.645	515.000.000	46.016.280.818	1.254.954.156	72.209.512.927
Khäu hao trong năm	526.842.183	38.006.349	-	7.829.600.698	179.949.696	8.574.398.926
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(165.000.000)	-	(165.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	8.130.432.491	16.857.693.994	515.000.000	53.680.881.516	1.434.903.852	80.618.911.853
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2020	478.840.103.545	1.937.149	-	18.433.162.599	4.143.536.632	501.418.739.925
Tại ngày 31/12/2020	478.313.261.362	220.320.800	-	12.707.221.694	3.963.586.936	495.204.390.792

(\*) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất được giao trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010 tại Khu đô thi mới Cầu Giấy, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội với số tiền là 374.116.278.348 đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng cho mục đích xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM.

(\*\*) Tài sản cố định vô hình khác là quyền khai thác mỏ đá vôi tại nhà máy Vạn Ninh của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân. Tại ngày 31/12/2020, quyền khai thác mỏ đá vôi đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>Máy móc, thiết bị</b> VND	<b>Phương tiện vận tải</b> VND	<b>Tổng</b> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	4.204.486.295	2.375.158.182	6.579.644.477
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.204.486.295)	-	(4.204.486.295)
Tại ngày 31/12/2020	-	2.375.158.182	2.375.158.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	1.313.901.960	758.731.084	2.072.633.044
Khäu hao trong năm	525.560.784	395.859.696	921.420.480
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.839.462.744)	-	(1.839.462.744)
Tại ngày 31/12/2020	-	1.154.590.780	1.154.590.780
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2020	2.890.584.335	1.616.427.098	4.507.011.433
Tại ngày 31/12/2020	-	1.220.567.402	1.220.567.402

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b> VND	<b>Cơ sở hạ tầng</b> VND	<b>Quyền sử dụng đất lâu dài</b> VND	<b>Tổng</b> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2020	154.459.633.605	59.846.190.802	50.945.988.042	265.251.812.449
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	74.462.104	-	1.134.335.412	1.208.797.516
Tại ngày 31/12/2020	154.534.095.709	59.846.190.802	52.080.323.454	266.460.609.965
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2020	6.311.056.619	7.508.360.723	-	13.819.417.342
Khäu hao trong năm	3.642.997.800	5.508.957.204	-	9.151.955.004
Tại ngày 31/12/2020	9.954.054.419	13.017.317.927	-	22.971.372.346
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2020	148.148.576.986	52.337.830.079	50.945.988.042	251.432.395.107
Tại ngày 31/12/2020	144.580.041.290	46.828.872.875	52.080.323.454	243.489.237.619

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Giá trị tăng, giảm của các bất động sản đầu tư được điều chỉnh do trong năm công ty này đã thực hiện quyết toán các gói thầu (Xem thêm Thuyết minh số 11).

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẠNG**

Tên hạng mục/dự án/công trình	Chủ đầu tư	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM (i)	VICEM	773.392.604.197	773.228.005.336
Dự án xây dựng Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy (ii)	VICEM	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án Nhà máy kết cấu bê tông - vật liệu xây dựng không nung (iii)	VICEM	44.637.818.405	45.872.851.802
Mỏ Ngà Voi	Vicem Hải Phòng	61.223.191.415	45.979.228.324
Mỏ đá vôi Tràng Kênh	Vicem Hải Phòng	16.344.155.012	23.054.717.178
Dự án nâng cao năng lực nghiền xi măng và silo chứa xi măng	Vicem Hoàng Thạch	-	356.681.934.987
Mỏ Áng Rong (iv)	Vicem Hoàng Thạch	70.608.778.376	70.608.778.376
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mỏ núi Han	Vicem Hoàng Thạch	26.348.085.870	26.348.085.870
Dự án đường B.O.T Phú Hữu (v)	Vicem Hà Tiên 1	548.379.812.948	547.595.247.745
Các dự án tại Bình Phước	Vicem Hà Tiên 1	264.754.878.171	302.758.068.933
Các dự án tại Kiên Lương	Vicem Hà Tiên 1	119.218.561.726	83.455.609.084
Mỏ sét Ba Sao	Vicem Bút Sơn	79.591.084.009	70.864.661.270
Dự án mở rộng, nâng cấp Cảng Bút Sơn	Vicem Bút Sơn	7.454.578.758	84.760.129.968
Dự án Hoàng Mai II	Vicem Hoàng Mai	25.338.682.024	23.840.847.476
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	Vicem Hoàng Mai	21.858.500.330	21.858.500.330
Dự án Cảng Lèn	Vicem Bim Sơn	19.112.246.560	19.112.246.560
Dự án Khu trung tâm điều hành Vicem Bim Sơn	Vicem Bim Sơn	10.495.047.894	10.495.047.894
Hệ thống quan trắc khí thải	Vicem Bim Sơn	9.926.933.636	9.926.933.636
Nâng cấp khu nhà hành chính	Vicem Bim Sơn	-	19.374.777.430
Trạm trung chuyển xi măng tại Quy Nhơn	Vicem Hải Vân	-	41.878.975.785
Phần mềm Oracle	Vicem Hải Vân	9.063.715.302	9.063.715.302
Tuyên xuất xi măng rời đường thủy	Vicem Hạ Long	-	18.917.798.977
Các dự án, công trình và chi phí xây dựng khác		83.295.030.242	180.553.132.568
<b>Cộng</b>		<b>2.251.107.537.512</b>	<b>2.846.293.127.468</b>

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/09/2010 của Hội đồng thành viên VICEM và được phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-VMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM và Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội (điều chỉnh nội dung Giấy Chứng nhận Đầu tư số 01121000884 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010) với tổng mức đầu tư là 2.744 tỷ đồng. Trên cơ sở đề nghị của VICEM, UBND Thành phố Hà Nội đã chấp nhận giá hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020 tại Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ đã ban hành văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM, với ý kiến chỉ đạo: (i) Hội đồng thành viên VICEM thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Lô đất 10E6, khu đô thị mới Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Bộ Xây dựng đã có chỉ đạo tại văn bản số 783/BXD-QLDN ngày 16/4/2019, cụ thể: Bộ Xây dựng yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM rà soát, cập nhật phương án xử lý nhà, đất theo hình thức "Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất"); (ii) Hội đồng thành viên VICEM triển khai xây dựng và trình Bộ Xây dựng phương án chi tiết việc chuyển nhượng dự án này. Ngày 09/11/2019, VICEM có văn bản số 2221/VICEM-HDTV trình Bộ Xây dựng thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với lô đất 10E6, khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 22/05/2020, VICEM có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM, theo đó tiếp tục thực hiện theo văn bản số 2221/VICEM-HDTV ngày 13/11/2019 về thay đổi phương án sắp xếp lại xử lý nhà đất đối với lô đất này.

Ngày 25/5/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 62/TB-BXD, theo đó yêu cầu VICEM rà soát lại toàn bộ các hợp đồng của dự án. Riêng đối với Hợp đồng của gói thầu số 23 đề nghị VICEM làm

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

việc lại với nhà thầu trên nguyên tắc căn cứ hợp đồng ký kết giữa hai bên, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất và báo cáo Bộ Xây dựng hướng giải quyết. VICEM đã phối hợp làm việc với nhà thầu tìm hướng giải quyết tồn tại của gói thầu số 23.

Ngày 04/9/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 107/TB-BXD về kết luận của Thủ trưởng Nguyễn Văn Sinh yêu cầu VICEM rà soát lại, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, VICEM đang rà soát để báo cáo Bộ Xây dựng xin gia hạn tiến độ thực hiện dự án và triển khai các ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại Thông báo số 62/TB-BXD ngày 25/5/2020 và Thông báo số 107/TB-BXD ngày 04/9/2020 về các vấn đề nêu trên.

- (ii) Dự án xây dựng Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/07/2012 của Hội đồng thành viên VICEM, với tổng mức đầu tư là 6.501 tỷ đồng. Vào ngày 27 tháng 11 năm 2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000. Theo đó chức năng của 03 khu thuộc dự án đã thay đổi so với quy hoạch tổng mặt bằng 1/500 và phương án kiến trúc sơ bộ đã được Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội phê duyệt tại văn bản số 1980/QHKT-P2 ngày 17/6/2011.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo đúng quy định. Ngày 01/3/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 387/BXD-KHTC gửi Bộ Tài chính về việc thống nhất với đề xuất của VICEM và đề nghị Bộ Tài chính thực hiện việc xử lý, sắp xếp theo quy định. Bộ Tài chính đã tiến hành kiểm tra hiện trạng khu đất ngày 13/5/2019; sau đó đã có ý kiến tại văn bản số 15226/BTC-QLCS ngày 16/12/2019, và Bộ Xây dựng đã có ý kiến chỉ đạo VICEM tại văn bản số 25/BXD-KHTC ngày 03/01/2020 và văn bản số 30/TB-BXD ngày 10/3/2020. Ngày 22/5/2020, VICEM đã có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM đối với việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất khu đất diện tích 52.083,3 m<sup>2</sup> tại Ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, cụ thể: (i) Đối với diện tích đất 288,7 m<sup>2</sup>: phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý"; (ii) Đối với diện tích đất 17.381 m<sup>2</sup> (do VICEM Hoàng Thạch đang quản lý, sử dụng): giao cho Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch để thực hiện lập báo cáo kê khai phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa; (iii) Đối với phần diện tích đất còn lại (34.413,6 m<sup>2</sup>): phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Giữ lại tiếp tục sử dụng" để thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ VICEM trên cơ sở kế thừa dự án Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy để điều chỉnh, thành lập Trung tâm nghiên cứu, phát triển công nghệ VICEM theo Đề án tái cơ cấu VICEM, phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh được phép, phù hợp với quy hoạch của thành phố Hà Nội và đúng quy định của pháp luật.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, VICEM đang thực hiện theo ý kiến của Bộ Xây dựng tại Thông báo số 107/TB-BXD ngày 04/9/2020 về vấn đề nêu trên.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ngày 09/06/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng. Ngày 22/05/2020, Tổng công ty có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM: Thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý đối với khu đất từ "Giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng ... để thực hiện dự án" thành "Chuyển nhượng dự án cho Vicem Hoàng Mai". Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang tiếp tục rà soát, sắp xếp lại, xử lý đối với khu đất trên theo hướng chuyển nhượng dự án cho Vicem Hoàng Mai theo đúng quy định của Nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

- (iv) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi Áng Rong và Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi phần sâu phía Bắc Núi Han là các chi phí đã phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án. Các dự án này đang chờ triển khai các giai đoạn tiếp theo.
- (v) Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã thế chấp một phần của dự án này bao gồm quyền thừa kế chủ đầu tư đường bộ Phú Hữu B.O.T (bao gồm quyền thu phí) và các quyền tài sản khác phát sinh từ dự án cho các khoản vay dài hạn của công ty này.

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ, vật liệu chịu mòn có giá trị nhỏ	42.532.496.217	67.946.469.987
Chi phí sửa chữa tài sản	22.541.393.426	38.587.441.571
Chi phí bảo hiểm phương tiện và tài sản	6.028.837.158	6.668.927.356
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.793.714.319	10.591.752.577
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí kiến thiết mỏ, giải phóng mặt bằng	322.559.039.887	326.570.822.604
Chi phí sửa chữa tài sản	213.775.765.390	209.892.282.450
Công cụ, dụng cụ, vật liệu chịu mòn	179.964.046.877	206.101.301.331
Tiền thuê đất trả trước	42.021.985.021	43.034.679.708
Quyền sử dụng đất	10.011.595.025	10.396.656.377
Chi phí trả trước dài hạn khác	137.183.064.234	117.661.551.425
<b>Cộng</b>	<b><u>983.411.937.554</u></b>	<b><u>1.037.451.885.386</u></b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các *thuyết minh* này là một bộ *phân hợp* thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính* hợp nhất kèm theo

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**18.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	
				31/12/2020	01/01/2020
Công ty Xi măng Chinton	14,44%		194.035.068.000	258.535.274.475	253.764.126.159
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	35,00%		814.863.899.899	1.338.340.048.269	1.244.133.246.360
Công ty Xi măng Nghi Sơn	35,00%		872.610.611.500	2.423.294.843.314	2.373.967.906.200
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	49,00%	49,00%	18.620.000.000	47.447.650.976	47.516.101.837
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	34,29%	34,29%	22.634.323.995	36.232.880.241	35.596.443.054
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	48,99%	48,99%	14.754.500.000	27.761.288.295	27.963.353.689
Công ty Cổ phần Xí măng Tây Đô	48,17%	36,00%	36.611.500.000	57.254.700.479	147.641.650.495
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	38,45%	38,45%	15.380.500.000	20.018.440.228	18.350.086.367
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	24,00%	24,00%	12.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	27,76%	27,76%	4.441.000.000	22.224.278.240	21.514.402.685
<b>Cộng</b>			<b>2.005.951.403.394</b>	<b>4.331.109.404.517</b>	<b>4.170.447.316.846</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUỶ TẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thay đổi minh báu là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Giá gốc	Công ty Xi măng Chinfon	Công ty TNHH Siam City	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty CP Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn
	VND	VND	VND	VND	VND
194.035.068.000	814.863.899.899	872.610.611.500	18.620.000.000		22.634.323.995
<b>Lãi/ lỗ lũy kế tại công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư</b>					
Số đầu năm	59.729.058.159	429.269.346.461	1.501.357.294.700	28.896.101.837	12.962.119.059
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết	38.705.148.316	283.671.169.794	106.067.887.114	2.840.924.228	2.522.631.020
Cổ tức được chia	(33.934.000.000)	(189.464.367.885)	(56.740.950.000)	(1.862.000.000)	(1.440.366.200)
Phản phôi các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(1.047.375.089)	(445.827.633)
Số cuối năm	64.500.206.475	523.476.148.370	1.550.684.231.814	28.827.650.976	13.598.556.246
<b>Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>					
Số đầu năm	253.764.126.159	1.244.133.246.360	2.373.967.906.200	47.516.101.837	35.596.443.054
Số cuối năm	258.535.274.475	1.338.340.048.269	2.423.294.843.314	47.447.650.976	36.232.880.241

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUỶ TÙI MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Giá gốc	Công ty CP Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Lãi/đỗ lũy kế tại công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>13.208.853.689</b>	<b>111.030.150.495</b>	<b>2.969.586.367</b>	<b>(12.000.000.000)</b>	<b>17.073.402.685</b>
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết	1.502.295.171	26.438.891.376	2.610.204.870	-	1.797.267.861
Cô tức được chia	(1.180.360.000)	(10.983.450.000)	(236.859.700)	-	(682.137.600)
Phân phối các quỹ Không thuộc vốn chủ sở hữu	(524.000.565)	(5.842.391.392)	(704.991.309)	-	(405.254.706)
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.006.788.295</b>	<b>120.643.200.479</b>	<b>4.637.940.228</b>	<b>(12.000.000.000)</b>	<b>17.783.278.240</b>
<b>Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>27.963.353.689</b>	<b>147.641.650.495</b>	<b>18.350.086.367</b>	<b>-</b>	<b>21.514.402.685</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.761.288.295</b>	<b>157.254.700.479</b>	<b>20.018.440.228</b>	<b>-</b>	<b>22.224.278.240</b>

**18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Cộng	Số cổ phần	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tấm lợp VLXD Đồng Nai (*)	3.402.366	43.625.888.700	(41.040.090.540)	43.625.888.700	(40.268.887.580)
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (*)	10.034.732	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie (*)	9.600.000	96.000.000.000	(12.417.771.907)	96.000.000.000	(6.833.228.872)
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie (*)	10.500.000	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	(14.742.000.000)	42.000.000.000	(18.207.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>384.169.399.950</b>	<b>(68.199.862.447)</b>	<b>384.169.399.950</b>	<b>(65.309.116.452)</b>	

(\*): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các đơn vị này.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các *thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
Công ty TNHH Nam Phương	47.358.587.892	18.771.172.190
Công ty TNHH Sản xuất Vôi Thương mại Dịch vụ Thống Nhất	12.705.938.504	11.413.854.721
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Phương IMEX	17.479.990.896	-
Công ty Cổ phần Thương mại NCL	31.212.397.838	9.951.853.936
Công ty TNHH Long Trọng	5.070.107.280	15.206.051.932
Các khách hàng khác	243.657.443.921	189.759.373.243
<b>Cộng</b>	<b>357.484.466.331</b>	<b>245.102.306.022</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	128.954.620.468	141.172.816.744
Chi phí sửa chữa tài sản	27.112.193.880	17.836.989.844
Trích trước chi phí dự án Nghiên xi măng đóng bao	59.943.238.400	61.494.521.266
Chi phí điện năng	35.837.405.905	30.746.898.179
Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí xây dựng cơ bản mỏ Ngà Voi	11.576.363.636	-
Trích trước phí An sinh xã hội và giải quyết chế độ cho người lao động	12.724.700.000	-
Chi phí thuê đất	7.287.280.000	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	1.177.054.548
Chi phí phải trả khác	78.988.640.742	84.556.342.524
<b>Cộng</b>	<b>381.840.424.062</b>	<b>356.400.604.136</b>

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phí bảo lãnh và lãi vay phải trả (*)	526.641.112.903	475.833.740.172
Quỹ ủng hộ công tác xã hội và từ thiện nhân đạo	7.600.812.189	17.642.303.087
Cỗ tức phải trả	18.331.244.961	14.211.020.196
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	5.497.258.107	1.193.301.039
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	71.594.578.496	76.228.482.281
<b>Dài hạn</b>	<b>297.939.972.045</b>	<b>296.762.086.953</b>
Lãi vay Quỹ tích luỹ Bộ Tài chính	133.095.246.142	-
Lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (**)	107.554.103.955	221.176.993.538
Lãi vay ngân hàng đồng tài trợ phải trả	39.474.985.224	55.264.979.306
Lãi vay và phí cho vay lại Ngân hàng NIB	13.088.662.746	15.408.706.934
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	4.726.973.978	4.911.407.175
<b>Cộng</b>	<b>927.604.978.701</b>	<b>881.870.933.728</b>

(\*) Bao gồm các khoản lãi vay và phí bảo lãnh đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với tổng số tiền lần lượt là 288,4 tỷ đồng và 84,9 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 lần lượt là 141,5 tỷ đồng và 9,3 tỷ đồng). Xem thêm tại *thuyết minh số 24.3*.

(\*\*) Xem tại *thuyết minh số 24.3*.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	<b>316.562.055.766</b>	<b>316.562.055.766</b>	377.723.549.774	<b>377.723.549.774</b>
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	135.712.266.444	135.712.266.444	162.151.306.564	162.151.306.564
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	119.996.235.219	119.996.235.219	135.489.826.515	135.489.826.515
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	51.822.762.891	51.822.762.891	64.698.735.243	64.698.735.243
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	5.550.186.612	5.550.186.612	10.600.108.607	10.600.108.607
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	3.480.604.600	3.480.604.600	4.783.572.845	4.783.572.845
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>3.402.098.245.224</b>	<b>3.402.098.245.224</b>	<b>3.461.801.389.469</b>	<b>3.461.801.389.469</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương	68.373.191.766	68.373.191.766	88.828.075.683	88.828.075.683
Công ty TNHH Xuất khẩu Nam Phương	84.730.563.658	84.730.563.658	22.100.593.561	22.100.593.561
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama)	93.351.394.498	93.351.394.498	103.425.008.749	103.425.008.749
Công ty TNHH Nguyên liệu Omanco Việt Nam (tên cũ: Công ty TNHH Hungking Việt Nam)	-	-	49.369.274.055	49.369.274.055
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	68.884.364.584	68.884.364.584	41.844.609.497	41.844.609.497
Công ty Cổ phần Thiết bị nặng Junjin Việt nam	48.601.797.639	48.601.797.639	14.114.454.347	14.114.454.347
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	54.144.597.762	54.144.597.762	18.241.583.688	18.241.583.688
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	-	-	59.483.822.540	59.483.822.540
Công ty TNHH Long Đại Thắng	-	-	46.472.598.800	46.472.598.800
Phải trả nhà cung cấp khác	2.984.012.335.317	2.984.012.335.317	3.017.921.368.549	3.017.921.368.549
<b>Cộng</b>	<b>3.718.660.300.990</b>	<b>3.718.660.300.990</b>	<b>3.839.524.939.243</b>	<b>3.839.524.939.243</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUỶ TÍCH MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020		31/12/2020	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND
Thuế giá trị gia tăng	8.318.596.578	26.659.972.460	749.285.844.989	736.848.453.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.171.635.051	114.469.093.098	274.904.377.594	316.320.275.202
Lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước	417.906.458.190	528.252.172.058	826.906.458.190	-
Thuế xuất, nhập khẩu	2.120.342.500	111.504.011	38.679.871.115	36.795.256.603
Thuế thu nhập cá nhân	14.249.210	12.224.100.826	58.767.129.323	62.368.690.429
Thuê nhà đất, tiền thuê đất	132.261.874	4.353.698.001	112.038.718.550	112.000.894.373
Thuế tài nguyên	-	28.865.590.018	221.132.625.381	220.615.801.734
Phí bảo vệ môi trường	59.504.711	14.213.374.575	109.397.726.977	109.316.126.255
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	2.789.823.182	119.646.333.629	117.887.973.885
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.557.667	982.883.634	15.312.952.395	6.821.008.815
<b>Cộng</b>	<b>19.839.147.591</b>	<b>622.576.497.995</b>	<b>2.227.417.752.011</b>	<b>2.545.880.938.772</b>
			<b>27.648.792.180</b>	<b>311.922.955.823</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**24. VAY NGẮN, DÀI HẠN**

	01/01/2020	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Trong năm	Giảm	31/12/2020	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>9.074.058.657.093</b>	<b>9.074.058.657.093</b>	<b>19.930.096.140.366</b>	<b>20.130.962.992.311</b>	<b>8.873.191.805.148</b>	<b>8.873.191.805.148</b>	<b>5.767.233.120.579</b>	<b>5.767.233.120.579</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.120.023.315.118	6.120.023.315.118	18.365.822.309.704	18.718.612.504.243	-	8.000.000.000	1.001.024.044.611	1.001.024.044.611
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	1.009.024.044.611	1.009.024.044.611	-	-	-	1.395.961.071.182	1.447.207.468.923	1.447.207.468.923
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	1.499.568.968.375	1.499.568.968.375	1.343.599.571.730	220.149.258.932	6.813.295.314	657.202.171.035	657.202.171.035	657.202.171.035
Vay dài hạn đến hạn trả các đối tượng khác	443.866.207.417	443.866.207.417	-	-	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.576.121.572	1.576.121.572	525.000.000	525.000.000	1.576.121.572	525.000.000	525.000.000	525.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.745.099.596.376</b>	<b>3.745.099.596.376</b>	<b>126.792.851.469</b>	<b>2.046.340.911.939</b>	<b>1.825.551.535.906</b>	<b>1.825.551.535.906</b>	<b>864.300.417.951</b>	<b>864.300.417.951</b>
Vay dài hạn ngân hàng	2.659.245.218.918	2.659.245.218.918	81.707.949.830	1.876.652.750.797	864.300.417.951	864.300.417.951	961.207.367.955	961.207.367.955
Vay dài hạn các đối tượng khác	1.083.183.384.304	1.083.183.384.304	45.084.901.639	167.060.917.988	961.207.367.955	961.207.367.955	43.750.000	43.750.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	2.670.993.154	2.670.993.154	-	2.627.243.154	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.819.158.253.469</b>	<b>12.819.158.253.469</b>	<b>20.056.888.991.835</b>	<b>22.177.303.904.250</b>	<b>10.698.743.341.054</b>	<b>10.698.743.341.054</b>	<b>Tài sản đảm bảo</b>	

**24.1 Chi tiết số dư vay ngắn, dài hạn theo từng đối tác tại ngày 31/12/2020**

Vay ngắn hạn các ngân hàng	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Phòng</b>	<b>186.991.487.491</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	111.554.758.711	VND	5,4%	Kỳ hạn trả gốc: 6 tháng	Có
- Chi nhánh Hồng Bàng					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	43.373.453.809	VND	5,5%	Kỳ hạn trả gốc: 6 tháng	Có
- Chi nhánh Nam Hải Phòng					
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng	8.781.278.411	VND	5,6%	Kỳ hạn trả gốc: 6 tháng	Có
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đông Hải Phòng	12.204.580.279	VND	5,7%	Kỳ hạn trả gốc: 6 tháng	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	11.077.416.281	VND	5,8%	Kỳ hạn trả gốc: 6 tháng	Có
- Chi nhánh Thủy Nguyên					

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - D/N/HN

Vay ngắn hạn các ngân hàng (tiếp theo)	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hoàng Thạch</b>	<b>388.384.989.732</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	165.065.680.515	VND	4% - 4,5%	Kỳ hạn trả gốc: tuy khoản vay 4 hoặc 5 tháng	Tín chấp
- Chi nhánh Đông Hải Dương					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	205.796.495.117	VND	4% - 4,5%	Kỳ hạn trả gốc: tuy khoản vay 4 hoặc 5 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	17.522.814.100	VND	4,0%	Kỳ hạn trả gốc: 6 tháng	Có
- Chi nhánh Hải Dương					
<b>Vicem Tam Điệp</b>	<b>461.592.083.658</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tam Điệp	162.920.739.090	VND	6,3%	Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 30/11/2021	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	111.901.416.127	VND	6,8% - 7,2%	Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 25/8/2021	Có
- Chi nhánh Tam Điệp					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	186.769.928.441	VND	6,8% - 7,2%	Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 17/8/2021	Có
- Chi nhánh Ninh Bình					
<b>Vicem Hẹ Long</b>	<b>699.911.618.448</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	249.993.582.889	VND	6,9%	Kỳ hạn trả gốc: 5,5 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	349.919.084.196	VND	7,9%	Kỳ hạn trả gốc: 5,5 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hẹ Long	99.998.951.363	VND	7,5%	Kỳ hạn trả gốc: 5,5 tháng	Có
<b>Vicem Sông Thao</b>	<b>210.600.926.348</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	42.821.372.938	VND	6,8%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 5 tháng	Có
- Chi nhánh Bắc Phú Thọ					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	69.190.210.551	VND	6,8%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 165 ngày	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	18.922.896.398	VND	6,8%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 165 ngày	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	79.666.446.461	VND	5,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 5 tháng	Có
- Chi nhánh Nam Hải Phòng					

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vay ngắn hạn các ngân hàng (tiếp theo)	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hà Tiên</b>	<b>1.562.959.465.352</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	586.994.803.272	VND	5,8% - 6%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 6 tháng	Có
- Chi nhánh TP.HCM					Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	530.367.173.303	VND	5,8% - 6%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 6 tháng	Có
- Chi nhánh TP.HCM					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	149.820.872.310	VND	5,8% - 6%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 1 đến 6 tháng	Có
- Chi nhánh Kiên Giang					
Ngân hàng TMCP A Châu	21.793.724.220	VND	5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 6 tháng	Có
- Chi nhánh Phan Đình Phùng					
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	215.570.334.513	USD	2,9%	Kỳ hạn trả gốc: tuy khoản vay từ 1 đến 6 tháng	Tín chấp
Ngân hàng Shinhan	58.412.557.734	VND	3,6% - 3,9%	Kỳ hạn trả gốc: tuy khoản vay từ 1 đến 6 tháng	Tín chấp
<b>Vicem Bút Sơn</b>	<b>946.491.586.877</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	471.845.326.680	VND	5,5% - 6,8%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	51.947.677.253	VND	5,8% - 6,8%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	81.421.724.225	VND	6% - 6,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
- Chi nhánh Hà Nam					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	89.362.895.546	VND	5,9% - 6,1%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
- Chi nhánh Hà Nam					
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam	39.902.651.280	VND	5,0% - 6,3%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nam	64.636.838.004	VND	5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	97.672.153.883	VND	5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Tín chấp
- Chi nhánh Lý Thường Kiệt					
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nam II	49.702.320.006	VND	5,2%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tuy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Tín chấp
<b>Vicem Hải Vân</b>	<b>98.434.718.301</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình	98.434.718.301	VND	6%	Thời gian duy trì hạn mức tối hết ngày 30/11/2021	Tín chấp

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SƠ B09 - DN/HN

Vay ngắn hạn các ngân hàng (tiếp theo)	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hoàng Mai</b>	<b>200.814.350.397</b>				
Ngân hàng TPCM Quốc tế Việt Nam	15.925.991.005	VND	4,8% - 5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 6 tháng	Tín chấp
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn	145.788.434.592	VND	4,7% - 5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 3 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	39.099.924.800	VND	5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 5 tháng	Có
<b>Vicem Bim Sơn</b>	<b>606.051.893.975</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	372.573.379.940	VND	5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn	121.304.307.270	VND	5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	25.900.112.548	VND	5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	86.274.094.217	VND	5,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Tín chấp
<b>Vicem E&amp;E</b>	<b>355.000.000.000</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	129.400.000.000	VND	6,5 - 7%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 5 tháng	Có
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	225.600.000.000	VND	6,5 - 6,8%	Thời gian duy trì hạn mức tối đa 30/11/2021	Có
<b>Vicem Ha Long</b>	<b>50.000.000.000</b>				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 5	50.000.000.000	VND	6,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 5 tháng	Có
<b>Cộng</b>	<b>5.767.233.120.579</b>				

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Vay ngắn hạn đối tượng khác	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hạ Long</b>	<b>988.208.346.248</b>				
Tổng công ty Sông Đà	971.009.156.984	VND	0%	Khoản vay hết hạn từ 31/12/2016	Có
Công ty Cổ phần Thủy điện Cầu Đơn	17.199.189.264	VND	0%	Khoản vay hết hạn từ 31/12/2015	Tín chấp
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung</b>	<b>12.815.698.363</b>				
Vay cá nhân (Nguyễn Thị Lâm)	12.815.698.363	VND	5,5%	Không có kỳ hạn trả nợ gốc	Tín chấp
<b>Công</b>	<b>1.001.024.044.611</b>				
Vay dài hạn đến hạn trả các ngân hàng	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Phòng</b>	<b>53.358.117.302</b>				
Ngân hàng TMCP Á Châu	53.358.117.302	VND	8,9%	84 tháng	Có
<b>Vicem Hạ Long</b>	<b>476.614.400.000</b>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	344.454.400.000	VND	5,4% - 11,4%	20 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 02/2023	Có
Ngân hàng Thương mại công nghiệp (BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank)	118.960.000.000	VND	9,83% - 9,93%	17 năm 6 tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 04/2024	Có
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	13.200.000.000	VND	10,5%	15 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2024	Có
<b>Vicem Sông Thao</b>	<b>38.128.875.407</b>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Thọ	32.668.875.407	VND	8,4%	10 năm	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	5.460.000.000	VND	9,7%	5 năm	Có
<b>Vicem Hà Tiên</b>	<b>813.987.717.211</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 2	743.633.888.973	VND	LSTK12T + 3,1% - 3,3%	18 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 12/2021	Có
Ngân hàng Credit Agricole	70.353.828.238	EUR	Euribor + 0,16% - 1,53%	13 năm 6 tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 6/2021	Bảo lãnh bởi Bô Tài chính

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHINH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Vay dài hạn trả các ngân hàng  
(tiếp theo)

Số dư tại 31/12/2020 Ngày hạn Lãi suất năm Thời hạn vay

**Vicem Bút Sơn** 7.687.500.000

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển  
Nông thôn - Chi nhánh Hà Nam 7.687.500.000 VND 9% - 9,16% Thời hạn vay 4 năm - 8 năm

**Vicem Hải Vân** 5.000.000.000

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình 5.000.000.000 VND 9,1% 12 năm kể từ ngày 17/12/2015

**Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung** 52.430.859.003

Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh  
Quảng Ngãi 17.050.859.003 VND 9,5% Từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2018.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi 33.400.000.000 VND 11,0% Từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 đến 25 tháng 3 năm

Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh  
Đà Nẵng 1.980.000.000 VND 11,0% Từ ngày 25 tháng 4 năm 2013 đến ngày 25 tháng 10  
năm 2021

**Cộng** 1.447.207.468.923

Vay dài hạn trả đối tượng khác  
(tiếp theo)

Số dư tại 31/12/2020 Ngày hạn Lãi suất năm Thời hạn vay

**Vicem Hạ Long**

Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh  
Quảng Ninh 33.921.329.033 USD LIBOR + 0,2% (hiện là 3,6%) Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời  
hạn 25 năm, kì trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2034

Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) 143.818.555,470 EUR EURIBOR +0,85% (hiện là 0,72%) Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời  
hạn vay 19 năm, kì trả nợ cuối cùng vào tháng  
09/2024

Quỹ tích lũy Bộ Tài chính 479.462.286,532 EUR 4,3% Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Gốc  
được thanh toán theo lịch trả nợ đến hết năm 2023

**Cộng** 657.202.171.035

Tài sản đảm bảo

Có

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Vay dài hạn các ngân hàng	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Phòng</b>	<b>47.195.006.548</b>				
Ngân hàng TMCP Á Châu	47.195.006.548	VND	8,9%	84 tháng	Có
<b>Vicem Hải Long</b>	<b>716.185.577.193</b>				
Ngân Hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	355.613.003.166	VND	5,4% - 11,4%	20 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 02/2023	Có
Ngân Hàng Thương mại đồng tài trợ (BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank)	320.965.308.699	VND	9,8% - 9,93%	17 năm 6 tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 04/2024	Có
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	39.607.265.328	VND	10,5%	15 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2024	Có
<b>Vicem Sông Thao</b>	<b>35.519.834.210</b>				
Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long	29.874.834.210	VND	9,3%	10 năm	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	5.645.000.000	VND	9,2% - 9,7%	5 năm	Có
<b>Vicem Bút Sơn</b>	<b>20.000.000.000</b>				
Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nam	20.000.000.000	VND	9% - 9,16%	Thời hạn vay 4 năm - 8 năm	Có
<b>Vicem Hải Vân</b>	<b>33.400.000.000</b>				
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình	33.400.000.000	VND	9,1%	12 năm kể từ ngày 17/12/2015	Có
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung</b>	<b>12.000.000.000</b>				
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi Cộng	12.000.000.000	VND	11%	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 đến 25 tháng 3 năm 2021	Có
	<b>864.300.417.951</b>				

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vay dài hạn các đối tượng khác	Số dư tại 31/12/2020	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Phòng</b>	<b>595.000.000</b>				Tín chấp
Ban LLHT và Hội đồng nghiệp công ty 3	595.000.000	VND	8,5%	Không có	
<b>Vicem Hạ Long</b>	<b>960.612.367.955</b>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	587.889.027.229	USD	LIBOR + 0,2% (hiện là 3,6%)	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn 25 năm, kí trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2034	Có
Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB)	167.788.316.460	EUR	EURIBOR +0,85% (hiện là 0,72%)	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn 19 năm, kí trả nợ cuối cùng vào tháng 09/2024	Có
Quỹ tích lũy BPT Tài chính	190.935.024.266	EUR	-	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Gốc được thanh toán theo lịch trả nợ đến hết năm 2023	Có
Bà Vũ Thị Hải Yến	14.000.000.000	VND	0%	Khoản vay đáo hạn vào ngày 23/7/2023	Tín chấp
<b>Cộng</b>	<b>961.207.367.955</b>				

## 24.2 Nợ thuê tài chính

Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01007/2018/TSC-CTTC ngày 26/01/2018. Giá trị tài sản cho thuê là ô tô Toyota Lancruiser Prado 30F-053 85 trị giá 2.581.180.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Kể từ ngày lãi suất hết hiệu lực, lãi suất cho thuê bằng chi phí huy động vốn thực tế của Bên cho thuê tài chính cộng 2,5%/năm nhưng ko thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung hạn của Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày tài sản được bàn giao. Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng là việc Bên thuê chuyển cho Bên cho thuê tài chính số tiền đặt cọc là 70.000.000 đồng.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHINH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**24.3 Các khoản vay, lãi và phí bảo lãnh quá hạn chưa thanh toán**

Bên cho vay	Tại ngày 31/12/2020				Tại ngày 01/01/2020			
	Gốc vay quá hạn VND	Lãi vay quá hạn VND	Phí bảo lãnh quá hạn VND	Tổng cộng VND	Gốc vay quá hạn VND	Lãi vay quá hạn VND	Phí bảo lãnh quá hạn VND	Tổng cộng VND
Quỹ tích lũy Bộ Tài chính – Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà (i)	368.924.086.532	-	-	368.924.086.532	177.516.533.272	-	-	177.516.533.272
Ngân hàng Natixis - Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà (i)	-	-	-	75.021.265.206	75.021.265.206	-	-	2.574.893.679
Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) - Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà (i)	95.879.036.980	-	-	95.879.036.980	43.778.245.013	-	-	43.778.245.013
Tổng công ty Sông Đà (ii)	971.009.156.984	-	-	971.009.156.984	975.009.156.984	-	-	975.009.156.984
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (iii)	-	274.196.437.679	-	274.196.437.679	-	127.360.786.316	-	127.360.786.316
Công ty Cổ phần Thủy điện Cầu Đơn	17.199.189.264	12.930.041.851	-	30.129.231.115	21.199.189.264	12.930.041.851	-	34.129.231.115
Công ty Cổ phần Thủy điện Ryninh II	-	1.268.555.811	-	1.268.555.811	-	1.268.555.811	-	1.268.555.811
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Đồng Bắc	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) – Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà	12.559.534.713	-	9.928.361.600	22.487.896.313	-	6.775.355.882	6.775.355.882	6.775.355.882
	<b>1.525.571.004.473</b>	<b>288.395.035.341</b>	<b>84.949.626.806</b>	<b>1.898.915.666.620</b>	<b>1.217.503.124.533</b>	<b>141.559.383.978</b>	<b>9.350.249.561</b>	<b>1.368.412.758.072</b>

(i) Đây là các khoản gốc vay, lãi vay và phí bảo lãnh quá hạn của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Hạ Long đã được Bộ Xây dựng đề nghị Bộ Tài chính xem xét, chấp thuận kê nợ mới theo Văn bản số 205/BXD-KHTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 ("Văn bản 205") của Bộ Xây dựng gửi tới Bộ Tài chính và Văn bản số 5336/BTC-QLN ("Văn bản 5336") ngày 09 tháng 5 năm 2018 được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch gộp vốn và trả nợ các khoản vay Dự án Xi măng Hạ Long.

Trên cơ sở đó, Vicem Hạ Long đã ghi giảm trừ chi phí tài chính của năm 2017 đối với các khoản phạt chậm trả gốc, lãi vay và phí bảo lãnh lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 8 năm 2017 của các khoản vay nói trên với tổng số tiền 6.353.164 EUR tương đương 173 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Vicem Hạ Long cũng không ghi nhận các khoản phạt chậm trả gốc, lãi và phí vay (nếu có) phát sinh từ các khoản vay neu trên và chi phí lãi vay cho khoản vay từ Quỹ tịch lũy Bộ Tài chính kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017. Đồng thời, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty đã phân loại số dư lãi vay và phí cho vay của các khoản vay từ Quỹ tịch lũy Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu, với giá trị lần lượt là 15 tỷ VND và 146 tỷ VND, từ khoản mục phải trả dài hạn khác; và phân loại số dư gốc vay của các khoản vay từ Ngàn hàng vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn sang khoản mục vay dài hạn.

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Sau khi nhận được đề xuất của Bộ Tài chính tại Văn bản 5336 và ý kiến của các cơ quan quản lý về việc tài trợ cho dự án Xi măng Hạ Long, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Văn bản 7549 ngày 9 tháng 8 năm 2018 để nghị Bộ Tài chính tiếp thu và giải trình việc tái cơ cấu Dự án Xi măng Hạ Long theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn luật này.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, Bộ Tài chính có Văn bản số 14812/BTC - QLN, trong đó đề nghị Vicem Hạ Long cung cấp nhật phuong án tái cơ cấu khoản vay dự án Xi măng Hạ Long theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn luật này cũng như cập nhật tình hình phương án sản xuất kinh doanh và phương án trả nợ để qua đó Bộ Tài chính có cơ sở báo cáo Văn phòng Chính phủ như yêu cầu tại Văn bản 7549.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, Vicem Hạ Long có Văn bản số 700/XMHL-TCKT kiến nghị Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng xem xét báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tái cơ cấu nợ Dự án Xi măng Hạ Long theo Luật Quản lý nợ công 2009 và các văn bản hướng dẫn thực hiện như nội dung đã được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản 5336.

Ngày 5 tháng 6 năm 2019, Bộ Tài chính có Văn bản số 6412/BTC-QLN gửi Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, VICEM xin ý kiến về việc tài trợ cho Dự án Xi măng Hạ Long. Sau khi làm việc với Cục quản lý nợ và tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính về ý kiến trả lời của các đơn vị, cụ thể: Bộ Tư pháp tại văn bản số 2242/BTP- PLDSKT ngày 18 tháng 6 năm 2019; Bộ Xây dựng tại văn bản số 1554/BXD-KHTC ngày 03 tháng 7 năm 2019; Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5289/BKHD/T-PTDN ngày 29 tháng 7 năm 2019; VICEM tại văn bản số 1112/VICEM-HĐTV ngày 18 tháng 6 năm 2019, Vicem Hạ Long đã có Văn bản số 1781/XMHL-TCKT ngày 10 tháng 12 năm 2019 cung cấp, cập nhật số liệu về phương án tái cơ cấu nợ vay Dự án Xi măng Hạ Long theo Luật Quản lý nợ công 2009 và Luật Quản lý nợ công 2017.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Vicem Hạ Long đang trong quá trình trao đổi và phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước để hoàn thiện các nội dung nêu trên.

(ii) Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD/TCTSD-XMHL ("Hợp đồng số 01"), toàn bộ khoản vay này sẽ được hoàn trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Căn cứ theo Tờ trình số 89/TT- BXD ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu Xi măng Hạ Long, Tổng công ty Xi măng Việt Nam, có Văn bản số 1239/VICEM-KTTCC&NV ngày 21 tháng 6 năm 2016 ("Văn bản 1239") gửi Tổng công ty Sông Đà để nghị điều chỉnh Hợp đồng số 01 này theo các nội dung như sau:

- Về thời hạn trả nợ: Không trả nợ gốc năm 2016, từ năm 2017 sẽ trả nợ gốc trong vòng 10 năm; và
- Về lãi suất vay: Lãi suất của khoản vay trong toàn bộ thời gian trả nợ gốc là 0%/năm.

Tại Văn bản số 2031/TCT-TCKT ngày 22 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty Sông Đà đã đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long; sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền Tổng công ty Sông Đà sẽ thực hiện cơ cấu khoản nợ này. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chưa có ý kiến trả lời chính thức về vấn đề này.

Trong khi chờ phê duyệt chính thức từ các cơ quan quản lý Nhà nước, Vicem Hạ Long đã không hạch toán và ghi nhận các khoản chi phí lãi vay từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHINH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(iii) Đây là lãi vay phải trả của Vicem Hạ Long liên quan đến các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh nhưng không bao gồm các khoản lãi phạt chậm trả (trên lãi và gốc vay) tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 74,5 tỷ VND. Vicem Hạ Long không ghi nhận các khoản lãi phạt này trong năm tài chính 2015 và 2016 căn cứ theo Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong đó thống nhất việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam sẽ trình Ngân hàng Phát triển Việt Nam xóa toàn bộ tiền lãi phạt trên lái phạt trên gốc quá hạn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cũng căn cứ theo các hợp đồng tín dụng đã được ký kết, lịch trả nợ ban đầu của các khoản vay này là từ tháng 1 năm 2011 đến tháng 12 năm 2015. Vicem Hạ Long đã trao đổi với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh về việc tái cơ cấu các khoản nợ vay này và theo Văn bản số 3924/NHPT-TĐĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Chi nhánh Quảng Ninh, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã chấp thuận việc gia hạn thời gian vay vốn từ 13 năm 3 tháng thành 20 năm và các khoản nợ gốc trả theo lịch trả nợ mới từ năm 2016 đến tháng 2 năm 2023. Cũng theo văn bản này, đối với các khoản lãi phạt chậm trả (trên lãi và gốc vay) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 74,5 tỷ VND, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam đang trình Hội đồng Quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam để xem xét, phê duyệt việc xóa nợ. Trong trường hợp không được xóa nợ, Công ty sẽ phải hoàn trả các khoản lãi phạt này trong tháng 2 năm 2023.

Trong thời gian chờ ý kiến chính thức từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về Phương án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Vicem Hạ Long đã không ghi nhận khoản lãi phạt chậm trả nêu trên trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty và công ty con từ năm 2015 trở đi.

**MẪU SÓ B09 - DN/HN**

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lai tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND
Tại ngày 01/01/2019	15.033.985.412.409	911.750.545.697	(323.971.984.350)	686.364.020.193	1.599.452.508.205	127.553.932.837	2.461.282.893.991
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.845.727.434.730	248.492.561.193
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	436.405.839.486	(436.405.839.486)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi Điều chuyển quỹ	-	-	-	-	-	(217.935.834.465)	(30.981.070.797)
Chia cổ tức bằng tiền	-	57.120.487.311	-	-	(57.120.487.311)	-	-
Nộp lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	(782.906.458.190)	(121.250.185.607)
Tặng/giáms khác	-	-	-	-	-	-	(15.241.825.502)
Tại ngày 01/01/2020	15.033.985.412.409	968.871.033.008	(323.971.984.350)	686.364.020.193	1.978.737.860.380	527.240.174.927	2.542.302.373.278
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.282.401.669.980	119.025.612.904
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	391.650.611.886	(391.650.611.886)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi Điều chuyển quỹ	-	-	-	-	-	(289.920.039.461)	(50.193.501.278)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	57.120.487.311	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(57.120.487.311)	-	-	-	-	-
Nộp lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	145.614.350.000	-	-	-	(145.614.350.000)	(107.454.770.756)
Tặng/giáms khác	-	-	-	-	-	(528.252.172.058)	-
Tai ngày 31/12/2020	15.033.985.412.409	1.057.364.895.697	(323.971.984.350)	686.364.020.193	2.427.409.496.769	454.298.110.190	2.503.302.077.271

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker. Các ngành nghề kinh doanh liên quan bao gồm: kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng; cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng; lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng; và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp. Vì vậy, không có báo cáo bộ phận cần trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán xi măng	<b>28.029.993.269.125</b>	<b>29.975.160.617.848</b>
Doanh thu bán clinker	24.642.135.387.535	25.448.323.998.100
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.981.670.405.586	3.666.723.887.439
	406.187.476.004	860.112.732.309
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	<b>927.732.117.228</b>	<b>915.581.852.699</b>
Hàng bán bị trả lại	927.696.028.158	899.080.039.162
	36.089.070	16.501.813.537
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>27.102.261.151.897</b>	<b>29.059.578.765.149</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	99.705.014.423	83.092.881.239
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	7.686.675.717	11.750.368.820
Công ty Xi măng Chinfon	285.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	212.748.019	227.038.100
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	473.644.000	423.016.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	316.071.435	25.176.471.080
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.295.252.174	4.479.217.521

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Giá vốn bán xi măng	19.702.112.272.481	20.367.642.866.698
Giá vốn bán clinker	2.780.294.677.286	3.238.223.974.201
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	358.372.520.765	194.052.459.238
<b>Cộng</b>	<b>22.840.779.470.532</b>	<b>23.799.919.300.137</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112.727.300.613	94.360.224.378
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.537.713.712	30.008.884.535
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	3.611.191.800	2.579.875.635
Doanh thu hoạt động tài chính khác	888.819.859	2.748.583.586
<b>Cộng</b>	<b>126.765.025.984</b>	<b>129.697.568.134</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	628.883.369.447	828.312.809.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá	118.015.365.865	3.640.334.199
Chiết khấu thanh toán	37.910.565.007	35.344.756.628
Dự phòng đầu tư tài chính	2.890.745.995	4.333.835.712
Chi phí tài chính khác	11.828.999.882	12.899.427.237
<b>Cộng</b>	<b>799.529.046.196</b>	<b>884.531.163.425</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>1.084.915.811.370</b>	<b>1.130.829.769.653</b>
Chi phí nhân viên	218.369.213.621	208.827.019.767
Chi phí bốc xús, vận chuyển	454.328.466.494	525.478.751.612
Chi phí khuyến mại	65.112.740.997	48.278.744.845
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	54.810.631.373	54.274.081.504
Chi phí hội nghị	55.023.734.048	55.196.821.169
Chi phí bán hàng khác	237.271.024.837	238.774.350.756
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>1.307.318.147.966</b>	<b>1.224.756.790.490</b>
Chi phí nhân công quản lý	578.351.733.686	546.394.493.318
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	36.807.226.298	34.637.188.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.314.874.536	48.986.259.565
Thuế, phí và lệ phí	85.506.230.662	90.893.653.534
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.637.731.176	6.180.483.667
Chi phí tiếp khách, hội nghị	158.607.227.140	151.247.998.649
Chi phí khác	384.093.124.468	346.416.713.084
<b>Cộng</b>	<b>2.392.233.959.336</b>	<b>2.355.586.560.143</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.260.999.198.428	16.165.327.022.156
Chi phí nhân công	2.627.126.200.170	2.546.060.620.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.153.706.338.178	2.253.490.594.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	4.001.715.798.196	3.008.556.613.770
<b>Cộng</b>	<b>23.043.547.534.972</b>	<b>23.973.434.851.126</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

**33. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	7.436.093.393	8.149.054.413
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	3.536.102.604	1.112.821.092
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	9.335.775.374	7.378.488.143
Bồi thường tổn thất	820.578.888	1.002.609.110
Thu hồi dự án từ tập đoàn Vingroup	-	60.286.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải trả	-	8.351.344.000
Thu nhập khác	31.622.668.428	28.849.997.040
<b>Cộng</b>	<b>52.751.218.687</b>	<b>115.130.313.798</b>

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	16.156.056.666	16.089.876.416
Chi phí thanh lý tài sản cố định	98.180.853	3.098.462.906
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang còn lại của dự án	5.644.109.260	45.471.022.397
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	574.222.390	6.034.764.412
Chi phí tài trợ	14.069.933.636	15.385.587.000
Chi phí khác	30.956.231.685	14.433.635.459
<b>Cộng</b>	<b>67.498.734.490</b>	<b>100.513.348.590</b>

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

**35.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	3.270.070.109	9.964.680.022
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	54.006.934.383	99.319.921.986
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Đệp	1.277.149.994	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	160.443.030.649	190.059.148.853
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	1.030.890.724	1.006.225.794
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	18.466.472.033
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	754.503.713	1.324.100.424
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	17.136.814.375	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	20.328.028.743	39.834.242.870
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	33.642.257	2.949.615.841
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	6.396.157.814	3.479.309.607
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	2.345.034.537	2.570.107.629
Công ty Cổ phần Thương mại DV VT Xi măng Hải Phòng	162.564.224	570.733.145
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	207.746.902	311.567.589
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	83.926.371	276.841.113
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	6.367.462.889	7.318.626.326
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	2.610.798	583.985
Công ty TNHH Đầu tư phát triển BĐS Trường Thọ Thủ Đức	147.598.531	124.295.084
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>273.994.167.013</b>	<b>377.576.472.301</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**35.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>		<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>	
	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ lãi bán hàng nội bộ Tổng công ty	18.733.600.626	16.689.131.479	(2.044.469.147)	(100.151.309)
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ lãi bán tài sản nội bộ Tổng công ty	4.308.293.255	2.429.229.186	(1.879.064.069)	9.034.729.539
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của chi phí phải trả Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ Thuế TNDN tạm nộp 1 % từ thu tiền bán căn hộ theo tiến độ	5.843.121.420	6.423.534.824	580.413.404	(6.423.534.824)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	8.577.600.000	7.821.999.999	(755.600.001)	(2.776.009.708)
Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	4.585.951	2.114.067	(2.471.884)	64.663.684
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm</b>	<b>-</b>	<b>12.253.403</b>	<b>12.253.403</b>	<b>-</b>
<b>Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định</b>	<b>731.556.611.959</b>	<b>766.010.827.639</b>	<b>(34.454.215.680)</b>	<b>18.205.614.215</b>
<b>Các khoản điều chỉnh do hợp nhất</b>	<b>24.351.837.125</b>	<b>41.123.414.721</b>	<b>(16.771.577.596)</b>	<b>4.112.443.687</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm</b>	<b>707.204.774.834</b>	<b>724.887.412.918</b>	<b>(17.682.638.084)</b>	<b>14.093.170.528</b>
			<b>(36.498.684.827)</b>	<b>18.105.462.906</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****35.3 Lỗ từ năm trước chuyển sang**

Tổng công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ ngày phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các đơn vị thành viên của Tổng công ty có khoản lỗ có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai là: 1.293.231.915.208 đồng. Chi tiết như sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Chưa chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020</b>	<b>Chưa chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019</b>
	VND	VND
Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1.100.441.957.222	1.687.532.409.029
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	182.287.986.583	967.074.826.756
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	706.774.957
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	6.559.685.991	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	-	190.087.241.545
Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ	3.942.285.412	4.750.349.678
<b>Cộng</b>	<b>1.293.231.915.208</b>	<b>2.850.151.601.965</b>

Tổng công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại tại ngày 31/12/2020 do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Công ty liên doanh
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết

*Trong năm, ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:*

<b>Mua hàng</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	188.637.836.940	233.555.682.120
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	148.698.642.534	168.716.865.900
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	5.678.554.680	12.167.394.800
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	117.518.978.741	128.637.030.518
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	86.795.013.894	137.005.872.010

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****Năm 2020**

VND

**Năm 2019**

VND

**Cỗ tức đã nhận**

Công ty Xi măng Nghi Sơn	56.740.950.000	50.670.550.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	189.464.367.885	154.494.701.236
Công ty Xi măng Chinfon	33.934.000.000	34.150.600.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	10.983.450.000	7.322.300.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	1.862.000.000	1.862.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	1.440.366.200	1.440.366.200
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	682.137.600	852.672.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	1.180.360.000	737.725.000

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng giám đốc****Năm 2020**

VND

**Năm 2019**

VND

Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

4.956.304.213

5.714.636.165

**Số dư với các bên liên quan:****Phải thu ngắn hạn khác****31/12/2020**

VND

**01/01/2020**

VND

Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	236.859.700	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	30.089.150	-

**Người mua trả tiền trước****31/12/2020**

VND

**01/01/2020**

VND

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng

-

25.532.700

**37. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG****Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 486,15 tỷ đồng liên quan đến việc xây dựng Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM, Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy.

Ngoài ra, Tổng công ty và các đơn vị thành viên cùng có các khoản cam kết phải trả trong tương lai theo các hợp đồng mua nguyên vật liệu như than cám, thạch cao, quặng và các chất phụ gia phục vụ cho hoạt động sản xuất clinker và xi măng.

**Chi phí cải tạo phục hồi môi trường**

Theo các quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường cho Dự án Khai thác mỏ đá vôi, mỏ sét mà các công ty con của Tổng công ty được cấp giấy phép khai thác, các công ty con có các cam kết liên quan đến việc ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020.

**Nghĩa vụ tiềm tàng về thuế tài nguyên**

Các công ty con là công ty sản xuất xi măng của Tổng công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong

# TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý Nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty con của Tổng công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý Nhà nước về cách xác định chi phí chế biến và qua đó, để xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương.

### 38. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, các đơn vị sản xuất xi măng của Tổng công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của các đơn vị này. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/Ttg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 01 năm 2014. Ngày 31/12/2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 7492/BTNMT-PC về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về không thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### 40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày lại khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch đang được theo dõi ở chỉ tiêu Vốn khác của chủ sở hữu thành tăng Vốn góp của chủ sở hữu tại Tổng công ty để phù hợp với vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch đã được Bộ Xây dựng chấp thuận điều chỉnh theo Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 13/10/2016. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2019	01/01/2020 (trình bày lại)	Ảnh hưởng
Vốn góp của chủ sở hữu	411	14.482.610.534.843	15.033.985.412.409	551.374.877.566
Vốn khác của chủ sở hữu	414	1.520.245.910.574	968.871.033.008	(551.374.877.566)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Nguyễn Quang Tuân

Văn Quang Đức



Lê Nam Khánh